

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST

Ngày 12-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Ngọc Các.

Ông Huỳnh Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 128/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu Y; Cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lý Văn T; Cư trú tại: đường Đ, phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2017 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu Y bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu Y và ông Lý Văn T tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/12/2015. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc nhưng

sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong việc quản lý kinh tế gia đình. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay bà Y nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lý Văn T.

Về con chung: bà Y trình bày, bà và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà Y trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Y trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lý Văn T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho ông, nhưng ông T không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng ông T vẫn không tham gia.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Y, cho bà Y được ly hôn với ông T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung do bà Y trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lý Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu Y và ông Lý Văn T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo bà Y trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng về việc quản lý tiền

bạc trong gia đình, mặt khác ông T hay nghe lời cha mẹ ông nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay. Mặc dù, Tòa án ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ hai lần nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay bà Y vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà Y và ông T đã đến mức trầm trọng, ông bà đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y cho bà được ly hôn với ông Lý Văn T.

Về con chung: Theo bà Y trình bày, trong thời gian chung sống bà và ông T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Y trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: Bà Y trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Bà Trần Thị Thu Y phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu Y được ly hôn ông Lý Văn T.
2. Về con chung: Theo bà Y trình bày, trong thời gian chung sống bà và ông Lý Văn T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Bà Y trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét
4. Về nợ chung: Bà Y trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

do đó Hội đồng xét xử không xem xét

5. Về án phí: Bà Trần Thị Thu Y phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007199 ngày 12/6/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Y đã nộp xong.

Bà Trần Thị Thu Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Lý Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên